

MV

DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
2018/03/23	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
2018/07/01	寸法下賜対策(R0.68179→R0.68380)		Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△					0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△					0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△					0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
							0.0 -0	+0.1 -0

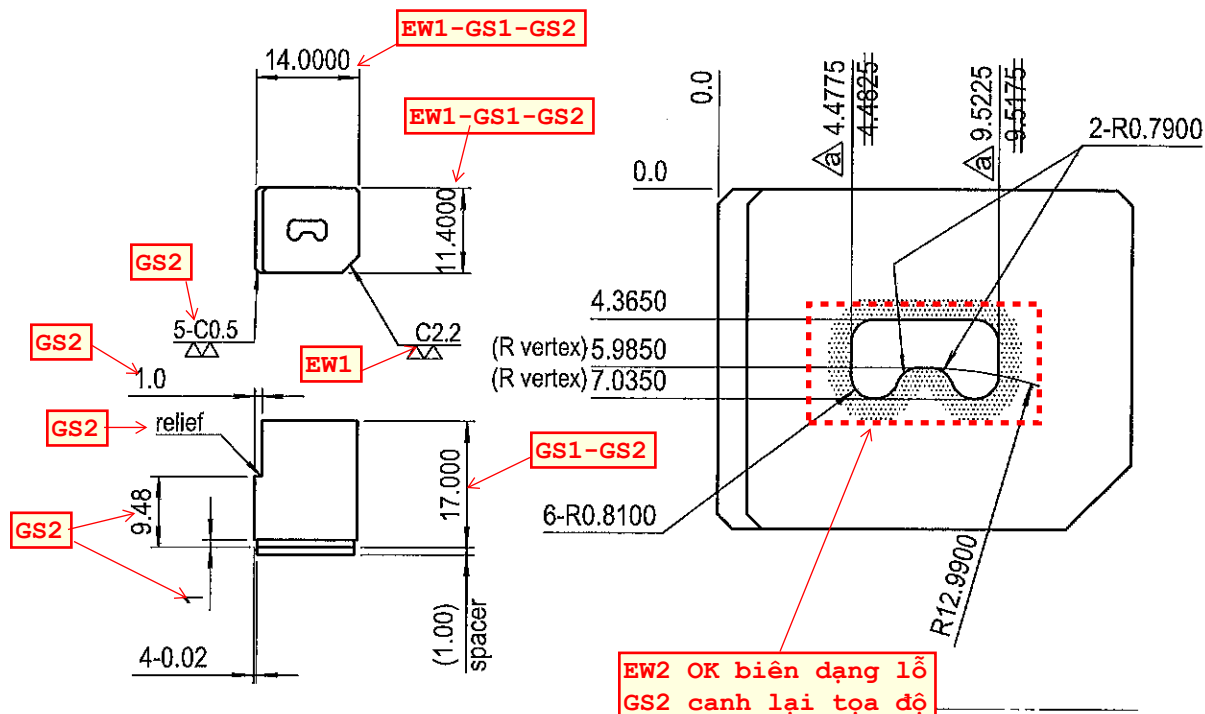
EW1 ra phôi: T18\*14.5\*11.9. Chú ý chọn hướng có C2.2  
GS1:

-17.00=>lướt sáng  
-14.00=>14.05  
-11.40=.11.45

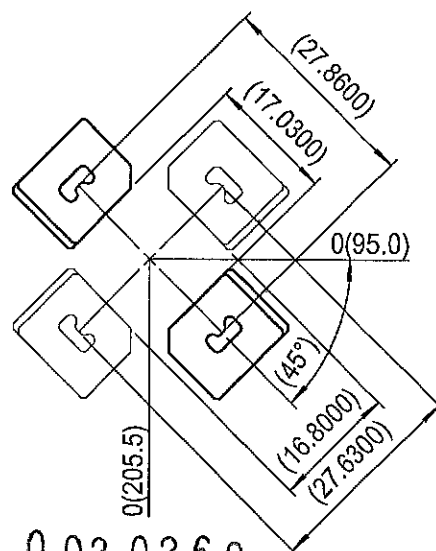
TOLERANCES NOT  
OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G  
▽▽ (▽▽)





ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)  
切刃ニゲ勾配ダイ上面より10'とする(KC-050)



T18 x 15 x 20

414.0020260

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
in_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	部品図		トリミングダイ
UENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		TRIMMING DIE
RC 0° ~ 0°		部品図		外形冲切下模
		部品図		外形冲切下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
NC(D30/HIP)	2018/03/23	1:1	 	R168380

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

4140020269, R168380 - GIA CONG - 17/05/2020

SNO: **R168380**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>T18*15*12.5</b>	EW1:40 GS1:40 ED:20 EW2:100 GS2:120 KT